

Số: /BT-PTP

TP. Lào Cai, ngày tháng 01 năm 2024

BẢN TIN PHÁP LUẬT
(Tuần 04)

Thực hiện Chương trình công tác về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn thành phố Lào Cai. Phòng Tư pháp thành phố Lào Cai tổng hợp một số nội dung các văn bản mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, cụ thể như sau:

I. Những chính sách mới ban hành:

1. Chính sách hỗ trợ người bị ảnh hưởng do cấm mốc biên giới giữa Việt Nam và Campuchia:

Ngày 17/01/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 01/2024/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống khi thực hiện phân giới cắm mốc trên thực địa biên giới trên đất liền giữa Việt Nam - Campuchia theo quy định tại Nghị quyết 98/2019/QH14.

Chính sách này hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng sản xuất, đời sống do bàn giao diện tích đất đang sản xuất, canh tác trong phạm vi diện tích Việt Nam quản lý quá (tính từ đường biên giới đã phân giới cắm mốc được mô tả tại Nghị định thư phân giới cắm mốc đến đường biên giới quản lý thực tế đã được hai bên công nhận trước đây) khi thực hiện phân giới cắm mốc trên thực địa theo Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005 và Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia ký ngày 05/10/2019 và Nghị quyết 98/2019/QH14 ngày 27/11/2019.

Chính sách hỗ trợ này áp dụng trên phạm vi 04 tỉnh có biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Vương quốc Campuchia gồm các tỉnh: Tây Ninh, Long An, An Giang và Kiên Giang.

- Đối tượng được hỗ trợ:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng sản xuất, đời sống do bàn giao diện tích đất đang sản xuất, canh tác trong phạm vi diện tích Việt Nam quản lý quá (tính từ đường biên giới đã phân giới cắm mốc được mô tả tại Nghị định thư phân giới cắm mốc đến đường biên giới quản lý thực tế đã được hai bên công nhận trước đây) khi thực hiện phân giới cắm mốc trên thực địa theo Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005 và Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước CHXHCNVN và Vương quốc Campuchia ký ngày 05/10/2019 và Nghị quyết 98/2019/QH14 ngày 27/11/2019.

- Mức hỗ trợ:

Đối tượng hỗ trợ được hưởng các hỗ trợ tương đương mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc

phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm phê duyệt phương án hỗ trợ.

Xem chi tiết tại Quyết định 01/2024/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 17/01/2024.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật ngành, nghề tin học ứng dụng:

Ngày 29/12/2023, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 13/2023/TT-BLĐTBXH định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng 20 ngành, nghề. Theo đó, nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật ngành, nghề Tin học ứng dụng trình độ trung cấp như sau:

- Định mức lao động:

+ Định mức lao động là mức tiêu hao lao động sống cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

+ Định mức lao động bao gồm định mức lao động trực tiếp và định mức lao động gián tiếp. Định mức lao động trực tiếp là thời gian giảng dạy lý thuyết và thực hành. Định mức lao động gián tiếp là thời gian lao động cho hoạt động quản lý, phục vụ.

- Định mức thiết bị:

+ Định mức thiết bị là thời gian sử dụng từng loại thiết bị để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

+ Định mức thiết bị là căn cứ để tính nhiên liệu động lực và tính khấu hao thiết bị.

+ Định mức thiết bị chưa bao gồm thời gian sử dụng các thiết bị cho công tác quản lý, phục vụ của lao động gián tiếp.

- Định mức vật tư:

+ Định mức vật tư là mức tiêu hao từng loại nguyên, vật liệu cần thiết để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

+ Định mức này chưa bao gồm:

++ Định mức về điện chiếu sáng, nước sinh hoạt phục vụ cho quá trình đào tạo;

++ Định mức nguyên, nhiên vật liệu cho bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thiết bị;

++ Khối lượng (số lượng) vật tư cần thiết, phải có ban đầu để phục vụ cho đào tạo đáp ứng yêu cầu của một kỹ năng nào đó cho 01 người học hoặc 01 lớp học hoặc cả khóa học (phần vật tư không tiêu hao).

- Định mức cơ sở vật chất:

Định mức cơ sở vật chất là thời gian sử dụng và diện tích sử dụng của một người học đối với từng loại cơ sở vật chất (khu học lý thuyết, khu thực hành thực tập và các khu chức năng khác) để hoàn thành đào tạo thực hành cho một người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Thông tư 13/2023/TT-BLĐTBXH có hiệu lực kể từ ngày 14/02/2024.

3. Công bố 02 thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm:

Ngày 19/01/2024, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định 62/QĐ-BGTVT công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. Theo đó,

công bố 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải sau đây:

- Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.
- Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo bao gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu (Bản chính; hoặc biểu mẫu điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến);

- Hồ sơ thiết kế (02 bộ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan thẩm định thiết kế hoặc qua hệ thống bưu chính; hoặc 01 hồ sơ dạng điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến), hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo bao gồm:

- + Thuyết minh thiết kế kỹ thuật xe cơ giới theo quy định (Bản chính đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua hệ thống bưu chính; hoặc tài liệu dạng điện tử đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến);

- + Bản vẽ kỹ thuật theo quy định (Bản chính đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua hệ thống bưu chính; hoặc tài liệu dạng điện tử đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến).

- Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến);

- Một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký) (Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến).

Xem chi tiết tại Quyết định 62/QĐ-BGTVT có hiệu lực từ ngày 15/02/2024.

4. Vị trí, chức năng và tổ chức của Thanh tra tỉnh từ 10/02/2024:

Ngày 22/12/2023, Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư 02/2023/TT-TTTP hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

- Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Thanh tra tỉnh) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

- Thanh tra tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Tổ chức của Thanh tra tỉnh từ 10/02/2024

- Thanh tra tỉnh có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và công chức khác.

+ Chánh Thanh tra tỉnh là người đứng đầu cơ quan Thanh tra tỉnh, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh, của Chánh Thanh tra tỉnh và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Thanh tra Chính phủ;

+ Phó Chánh Thanh tra tỉnh là người giúp Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện nhiệm vụ do Chánh Thanh tra tỉnh phân công, chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Khi Chánh Thanh tra tỉnh vắng mặt, một Phó Chánh Thanh tra tỉnh được Chánh Thanh tra tỉnh ủy nhiệm thay Chánh Thanh tra tỉnh điều hành các hoạt động của Thanh tra tỉnh.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái Phó Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật và đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh.

- Tổ chức của Thanh tra tỉnh:

Thanh tra tỉnh có văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ để bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và giám sát, thẩm định, xử lý sau thanh tra.

Việc thành lập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Thanh tra tỉnh phải bảo đảm các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế của pháp luật về chính quyền địa phương, pháp luật về thanh tra và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh.

Xem chi tiết tại Thông tư 02/2023/TT-TTCT có hiệu lực từ ngày 10/02/2024 và thay thế Thông tư liên tịch 03/2014/TTLT-TTCT-BNV ngày 08/9/2014.

5. Công bố 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ:

Ngày 19/01/2024, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định 61/QĐ-BGTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. Theo đó, công bố 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ bao gồm:

- Chấp thuận cơ sở đào tạo Thảm tra viên an toàn giao thông đường bộ.
- Cấp lại Chấp thuận cơ sở đào tạo Thảm tra viên an toàn giao thông đường bộ.
- Cấp lại Chứng chỉ Thảm tra viên an toàn giao thông đường bộ.
- Cấp đổi Chứng chỉ Thảm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

- Cấp Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Trình tự thực hiện cấp lại Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

Bước 1: Nộp hồ sơ

Bước 2: Giải quyết thủ tục hành chính

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Đối với trường hợp nộp trực tiếp: Sau khi kiểm tra hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận ngay hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn trực tiếp cho người đến nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

+ Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho người đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

+ Đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày cá nhân kê khai và nộp hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn cho người đã nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ;

Bước 3: Nhận kết quả

Trong quá trình tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, Cục Đường bộ Việt Nam sẽ cấp lại chứng chỉ; trường hợp không cấp lại chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

Việc trả chứng chỉ cấp lại được thực hiện tại Cục Đường bộ Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính theo yêu cầu của cá nhân có nhu cầu.

Xem thêm nội dung tại Quyết định 61/QĐ-BGTVT có hiệu lực từ ngày 19/01/2024.

6. Điều kiện cấp Giấy phép phân loại phim của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

Ngày 29/12/2023, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư 17/2023/TT-BVHTTDL quy định về điều kiện cấp Giấy phép phân loại phim của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Theo đó, điều kiện cấp Giấy phép phân loại phim của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được cấp Giấy phép phân loại phim đối với phim tài liệu, phim hoạt hình, phim khoa học do cơ sở điện ảnh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh sản xuất hoặc nhập khẩu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Có Hội đồng thẩm định, phân loại phim đáp ứng theo quy định tại Thông tư 11/2023/TT-BVHTTDL quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định, phân loại phim;

+ Có cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật chiếu phim đáp ứng phù hợp với các định dạng phim bảo đảm phục vụ hoạt động thẩm định, phân loại phim;

+ Có kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia để tổ chức, cá nhân thực hiện đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được cấp Giấy phép phân loại phim đối với phim truyện, phim kết hợp nhiều loại hình do cơ sở điện ảnh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh sản xuất hoặc nhập khẩu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Có Hội đồng thẩm định, phân loại phim đáp ứng theo quy định tại Thông tư 11/2023/TT-BVHTTDL quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định, phân loại phim;

+ Có cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật chiếu phim đáp ứng phù hợp với các định dạng phim bảo đảm phục vụ hoạt động thẩm định, phân loại phim;

+ Có kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia để tổ chức, cá nhân thực hiện đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim.

+ Năm trước liền kề (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12), các cơ sở điện ảnh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh sản xuất ít nhất 10 phim truyện, phim kết hợp nhiều loại hình đã được cấp Giấy phép phân loại phim và được phép phổ biến.

Xem chi tiết tại Thông tư 17/2023/TT-BVHTTDL có hiệu lực từ ngày 01/03/2024.

7. Phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao:

Ngày 18/01/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định 09/QĐ-TANDTC phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2024. Theo đó, căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ của đối tượng thanh tra, mỗi Đoàn thanh tra lựa chọn một số hoặc tất các nội dung sau đây trong Kế hoạch thanh tra năm 2024:

(1) Thanh tra công vụ

- Thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các Tòa án nhân dân.
- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật và các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Chỉ thị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các Tòa án nhân dân.
- Thanh tra việc tổ chức thực hiện Quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân.

(2) Thanh tra công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các Tòa án nhân dân; trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị được thanh tra trong việc chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

(3) Thanh tra công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp dân

Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, Chỉ thị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp dân tại các Tòa án nhân dân.

(4) Thanh tra công tác tài chính và công sản

Thanh tra việc sử dụng kinh phí tại các đơn vị dự toán trong hệ thống Tòa án nhân dân; việc quản lý, sử dụng tài sản cố định; các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các Tòa án nhân dân khi có yêu cầu của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao.

Một trong những mục đích của việc ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2024 là nhằm thực hiện có hiệu quả các quy định của Luật Thanh tra năm 2022, gắn với việc tham mưu giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, đánh giá việc chấp hành chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực công tác của Tòa án nhân dân; đặc biệt, đối với những lĩnh vực, địa bàn còn nhiều hạn chế, tồn tại nhằm kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những vi phạm; tháo gỡ những vướng mắc trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật (nếu có); đưa ra những kiến nghị, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Tòa án nhân dân.

Xem thêm nội dung tại Quyết định 09/QĐ-TANDTC có hiệu lực từ ngày 18/01/2024.

8. Bổ sung chỉ tiêu trong Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính:

Ngày 18/01/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 03/2024/TT-BTC quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính. Theo đó, bổ sung chỉ tiêu trong Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 03/2024/TT-BTC.

Đơn cử như Nhóm chỉ tiêu Ngân sách nhà nước bổ sung các chỉ tiêu sau:

- Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước: Mã số 0113; Mã số CTTKQG 0602.
- Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước: Mã số 0114; Mã số CTTKQG 0605.
- Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước: Mã số 0115; Mã số CTTKQG 0607.

Trách nhiệm của Cục Tin học và Thống kê tài chính (Bộ Tài chính) đối với Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính

- Chủ trì tổng hợp thông tin thống kê được quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính;
- Thực hiện phổ biến thông tin thống kê tài chính theo đúng quy định tại Điều 49 Luật Thống kê 2015, Nghị định 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê 2015 và các quy định về chế độ bảo mật thông tin của ngành Tài chính;
- Chủ trì xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thu thập, tổng hợp, lưu trữ, khai thác thông tin từ hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính;
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế;
- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính.

Thông tư 03/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/4/2024 và thay thế Thông tư 65/2018/TT-BTC ngày 31/7/2018.

9. Các cặp cửa khẩu được thông quan các mặt hàng hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt Việt Nam – Campuchia:

Ngày 24/01/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 05/2024/NĐ-CP quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2023 - 2024. Theo đó, danh mục các cặp cửa khẩu được phép thông quan các mặt hàng hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Bản Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2023 – 2024 bao gồm:

1. Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai) - Ou Va Dav (tỉnh Ratanakiri)
2. Bu Prăng (tỉnh Đắk Nông) - Dak Dam (tỉnh Mondulakiri)
3. Đắk Peur (tỉnh Đắk Nông) - Nam Lear (tỉnh Mondulakiri)
4. Hoa Lư (tỉnh Bình Phước) - Trapeang Sre (tỉnh Kratie)
5. Hoàng Diệu (tỉnh Bình Phước) - Lapakhe (tỉnh Mondulakiri)
6. Lộc Thịnh (tỉnh Bình Phước) - Tonle Cham (tỉnh Tboung Khmum)
7. Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh) - Bavet (Svay Rieng Province)

8. Xa Mát (tỉnh Tây Ninh) - Trapeang Plong (tỉnh Tboung Khmum)
9. Chàng Riệc (tỉnh Tây Ninh) - Da (tỉnh Tboung Khmum)
10. Kà Tum (tỉnh Tây Ninh) - Chan Mul (tỉnh Tboung Khmum)
11. Phước Tân (tỉnh Tây Ninh) - Bosmon (tỉnh Svay Rieng)
12. Vạc Sa (tỉnh Tây Ninh) - Doun Rodth (tỉnh Tboung Khmum)
13. Tân Nam (tỉnh Tây Ninh) - Meun Chey (tỉnh Prey Veng)
14. Bình Hiệp (tỉnh Long An) - Prey Vor (tỉnh Svay Rieng)
15. Mỹ Quý Tây (tỉnh Long An) - Samrong (tỉnh Svay Rieng)
16. Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp) - Banteay Chakrey (tỉnh Prey Veng)
17. Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp) - Koh Roka (tỉnh Prey Veng)
18. Vĩnh Xương (tỉnh An Giang) - Ka-Orm Samnor (tỉnh Kandal)
19. Tịnh Biên (tỉnh An Giang) - Phnom Den (tỉnh Takeo)
20. Khánh Bình (tỉnh An Giang) - Chrey Thom (tỉnh Kandal)
21. Vĩnh Hội Đông (tỉnh An Giang) - Kampong Krosang (tỉnh Takeo)
22. Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang) - Prek Chak (tỉnh Kampot)
23. Giang Thành (tỉnh Kiên Giang) - Ton Hon (tỉnh Kampot)

Xem chi tiết tại Nghị định 05/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 24/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

10. Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo quản lý trong ĐVSNCL lĩnh vực tài chính:

Ngày 22/01/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 04/2024/TT-BTC hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và viên chức chuyên ngành, cơ cấu viên chức chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính. Thông tư 04/2024/TT-BTC áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính thuộc bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của chính quyền đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo quản lý trong ĐVSNCL lĩnh vực tài chính

Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo quản lý trong ĐVSNCL thuộc lĩnh vực tài chính được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 04/2024/TT-BTC như sau:

- Vị trí việc làm hội đồng quản lý bao gồm:
 - + Chủ tịch hội đồng quản lý
 - + Phó Chủ tịch hội đồng quản lý
 - + Thư ký Hội đồng quản lý
 - + Thành viên Hội đồng quản lý
- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập sẽ bao gồm:
 - + Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập (Giám đốc/Viện trưởng)
 - + Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập (Phó Giám đốc/Phó Viện trưởng)
 - + Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập
 - + Phó trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập

Trong đó, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính bao gồm:

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ.
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục thuộc Bộ.
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục thuộc Bộ.
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục thuộc Tổng cục thuộc Bộ.
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Xem chi tiết tại Thông tư 04/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 06/3/2024.

11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Internet Việt Nam:

Ngày 18/01/2024, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định 48/QĐ-BTTTT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Internet Việt Nam. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Internet Việt Nam bao gồm:

(1) Thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công:

- Cung cấp dịch vụ tài nguyên Internet
 - + Cấp, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”; tổ chức việc cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”; lựa chọn, ký kết hợp đồng với các nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;
 - + Cấp, phân bổ, duy trì địa chỉ Internet (IP), số hiệu mạng (ASN) ở cấp quốc gia;
 - + Thúc đẩy, phát triển việc đăng ký, sử dụng tài nguyên Internet Việt Nam;
 - + Thiết lập, quản lý, vận hành và khai thác hệ thống máy chủ tên miền (DNS) quốc gia và các hệ thống kỹ thuật phục vụ cung cấp dịch vụ tài nguyên Internet; chủ trì, tham gia triển khai, ứng dụng và khai thác các công nghệ liên quan đến tài nguyên Internet;
 - + Thu, quản lý và sử dụng phí và lệ phí về tài nguyên Internet theo quy định của pháp luật.
- Thiết lập, quản lý, vận hành và khai thác hệ thống trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX). Phát triển, ứng dụng và khai thác các công nghệ, dịch vụ VNIX.
- Cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài nguyên Internet, công nghệ thông tin và tham gia các hoạt động có liên quan phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Internet Việt Nam theo quy định của pháp luật.

(2) Thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Xây dựng và trình Bộ trưởng phê duyệt quy hoạch tài nguyên Internet, kế hoạch phát triển, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp với yêu cầu thực tiễn;
- Nghiên cứu, đề xuất và phối hợp với các đơn vị chức năng trực thuộc Bộ để xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên Internet, về cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trên phạm vi cả nước;
- Quản lý, kiểm tra, giám sát việc đăng ký, sử dụng và thực hiện việc ngừng, tạm ngừng, thu hồi tài nguyên Internet Việt Nam;
- Tiếp nhận báo cáo, quản lý thông tin và kiểm tra, giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì và sử dụng tài nguyên Internet;
- Thu thập, phân tích, đánh giá, công bố các thông tin, số liệu đăng ký, sử dụng tài nguyên Internet; các thông tin, số liệu truy vấn qua các hệ thống mạng

DNS quốc gia, Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX) và các hệ thống kỹ thuật do Trung tâm Internet Việt Nam quản lý theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng;

- Đại diện cho Bộ Thông tin và Truyền thông tham gia các hoạt động của các tổ chức Internet quốc tế liên quan đến lĩnh vực hoạt động theo phân công, ủy quyền của Bộ trưởng;

- Phối hợp tổ chức thực thi, giám sát kết quả thực hiện các yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam, các doanh nghiệp viễn thông, Internet nhằm phòng ngừa, ngăn chặn việc phát tán các trang tin sử dụng tên miền quốc tế vi phạm quy định của Việt Nam về quản lý trang thông tin điện tử;

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ trong công tác quản lý đối với hoạt động của các hội và các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực Internet;

- Bảo đảm an toàn, bảo mật cho hệ thống DNS quốc gia, Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX).

(3) Thực hiện nhiệm vụ quản trị và phát triển đơn vị:

- Tư vấn, tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn, tuyên truyền, quảng bá, tổ chức hội nghị, hội thảo; hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế về tài nguyên Internet và các lĩnh vực khác phù hợp với chức năng nhiệm vụ;

- Thực hiện hợp tác quốc tế trong khai thác dự phòng hệ thống cho tên miền quốc gia; đăng ký và duy trì tài nguyên Internet Việt Nam với các tổ chức quốc tế; quảng bá về Internet Việt Nam;

- Nghiên cứu, ứng dụng các tiêu chuẩn, kỹ thuật, công nghệ về Internet và tài nguyên Internet; thực hiện chuyên đổi số phục vụ hoạt động của Trung tâm;

- Quản lý về tổ chức bộ máy, viên chức, người lao động; thực hiện chính sách, chế độ đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Trung tâm Internet Việt Nam;

- Quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

(4) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc được Bộ trưởng giao.

Xem chi tiết tại Quyết định 48/QĐ-BTTTT có hiệu lực từ ngày 18/01/2024 và thay thế Quyết định 1756/QĐ-BTTTT ngày 13/10/2017, Quyết định 238/QĐ-BTTTT ngày 01/3/2019.

12. Đến năm 2045, Việt Nam có hệ thống y tế hiện đại, hội nhập quốc tế:

Ngày 23/01/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 89/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, định hướng đến năm 2045, Việt Nam sẽ có hệ thống y tế phát triển hiện đại, hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của nhân dân, đạt bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

Ngoài ra, Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt mục tiêu cụ thể như sau:

- Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, đặc biệt là dịch bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện; bảo đảm an ninh y tế, ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng. Từng bước kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, nâng cao năng lực quản lý môi trường y tế, các bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích và nâng cao sức khỏe người dân.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ trung ương đến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi mô hình bệnh tật, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu vững mạnh; thu hẹp khoảng cách về bệnh tật, tử vong giữa các vùng, miền, các nhóm dân tộc. Phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp công - tư trong cung ứng dịch vụ y tế.

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và các đối tượng ưu tiên.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu, đặc biệt nhân lực cho y tế cơ sở, khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, biển đảo; tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sĩ và điều dưỡng; bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế.

- Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong dự phòng, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh tật, nghiên cứu và phát triển dược, thiết bị y tế được chú trọng; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát huy vai trò công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn y tế.

- Bảo đảm việc tiếp cận và tính sẵn có của thuốc, vắc xin, sinh phẩm, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng với giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân; ưu tiên phát triển công nghiệp dược, dược liệu và thiết bị y tế trong nước. Việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

- Tăng tỷ trọng chi tiêu công cho y tế, nâng cao hiệu quả trong phân bổ và sử dụng ngân sách và các nguồn lực cho y tế, đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Ưu tiên ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, biển đảo, bãi ngang ven biển, các khu vực khó khăn.

- Công tác xây dựng và thi hành pháp luật, chính sách y tế tiếp tục được đổi mới, bảo đảm chất lượng, đầy đủ, đồng bộ; năng lực quản trị hệ thống y tế được nâng cao theo hướng hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, hiện đại, hội nhập.

Xem chi tiết nội dung tại Quyết định 89/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 23/01/2024.

13. Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050:

Ngày 11/01/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 36/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, quan điểm phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

- Hạ tầng thông tin và truyền thông là một chỉnh thể thống nhất, hình thành trên cơ sở liên kết giữa mạng lưới chính, hạ tầng số, hạ tầng công nghiệp công nghệ thông tin, các nền tảng chuyên đổi số quốc gia và hệ thống bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tạo lập môi trường an toàn tin cậy cho phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông là hạ tầng cho chuyên đổi số quốc gia, mở ra không gian phát triển mới cho kinh tế - xã hội, gắn kết sự phát triển trên không gian so với không gian phát triển vật lý truyền thống, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông được ưu tiên phát triển theo định hướng Make in Viet Nam, sử dụng sản phẩm, giải pháp do người Việt Nam làm chủ nhằm bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia.

- Phát triển nền tảng số như một hạ tầng mới nhằm triển khai nhanh, toàn dân, toàn diện các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông đáp ứng việc tạo lập, truyền tải, lưu trữ, xử lý, chia sẻ dữ liệu số an toàn, tin cậy, bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, góp phần tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh.

- Dữ liệu là tài nguyên, nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra vùng động lực mới và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Ưu tiên nguồn lực phát triển điện toán đám mây, đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm dữ liệu khu vực.

- Công nghiệp công nghệ số là ngành công nghiệp nền tảng, cần có cơ chế chính sách đặc biệt để thúc đẩy phát triển.

- Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ, công nghệ hiện đại theo định hướng chia sẻ dùng chung, tích hợp quy hoạch hạ tầng viễn thông quốc gia, kế thừa hợp lý hạ tầng thông tin và truyền thông đã được đầu tư phát triển, gắn kết chặt chẽ với các hạ tầng kinh tế - xã hội vật lý và tạo ra các thực thể số tương ứng trên không gian số.

Xem chi tiết tại Quyết định 36/QĐ-TTg có hiệu lực kể từ ngày 11/01/2024.

14. Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa từ 30/01/2024:

Ngày 23/01/2024, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định 191/QĐ-BVHTTDL năm 2024 công bố thủ tục hành chính nội bộ mới trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ. Hồ sơ xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa từ 30/01/2024

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

- Bảng tổng hợp danh sách hộ gia đình đạt tiêu chuẩn và kết quả lấy ý kiến người dân.

- Biên bản họp bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

Trình tự xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa từ 30/01/2024

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể cùng cấp tổ chức họp, đánh giá mức độ đạt các tiêu chuẩn của từng hộ gia đình trong phạm vi quản lý.

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổng hợp danh sách các hộ gia đình đủ điều kiện đề nghị xét tặng và thông báo công khai trên bảng tin công cộng hoặc các hình thức khác (nếu có) để lấy ý kiến người dân trong thời hạn 10 ngày.

- Hết thời hạn lấy ý kiến, lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 86/2023/NĐ-CP, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” (Mẫu số 10 của Phụ lục IV kèm theo Nghị định 86/2023/NĐ-CP).

Trường hợp không xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa từ 30/01/2024

Thành viên trong gia đình vi phạm một trong các trường hợp sau thì không xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”:

- Bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không hoàn thành nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ nộp thuế;
- Bị xử phạt vi phạm hành chính về: Hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn; vi phạm quy định về kết hôn, ly hôn và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng;
- Bị xử phạt vi phạm hành chính về: Vi phạm quy định về trật tự công cộng; hành vi đánh bạc trái phép; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phòng, chống bạo lực gia đình.

Xem chi tiết tại Quyết định 191/QĐ-BVHTTDL có hiệu lực từ ngày 30/01/2024.

15. Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ:

Ngày 22/01/2024, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định 35/QĐ-BNV về Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024. Theo đó, các giải pháp thực hiện Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ bao gồm:

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, lãnh đạo các đoàn thể, lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương; người đứng đầu các cơ quan báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình ở Trung ương, địa phương trong việc chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính:

+ Tổ chức hội nghị quán triệt về vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình ở Trung ương, địa phương trong việc thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

+ Tổ chức triển khai nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024 của các bộ, cơ quan, địa phương.

- Kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính. Nâng cao kiến thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên đang phụ trách các chuyên trang, chuyên mục liên quan đến cải cách hành chính tại các cơ quan báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình ở Trung ương và địa phương:

+ Xây dựng tài liệu tập huấn và tổ chức các lớp tập huấn phù hợp với từng loại hình báo chí ở Trung ương và địa phương.

+ Định kỳ tổ chức các hội nghị về cải cách hành chính giữa Bộ Nội vụ với cơ quan thông tấn, báo chí ở Trung ương và địa phương nhằm cung cấp, chia sẻ thông tin về cải cách hành chính, góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên.

- Tăng cường phối hợp giữa Bộ Nội vụ với Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và các cơ quan thông tin, truyền thông, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội để phát động, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, thi viết về cải cách hành chính; xây dựng mạng lưới cộng tác viên đưa tin, bài về cải cách hành chính.

- Cải thiện, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trên các công cụ truyền thông của các bộ, ngành và địa phương (trên các Website, báo, tạp chí, bản tin,...).

- Tổ chức biên soạn, phát hành các loại ấn phẩm thông tin, tuyên truyền về các nội dung của cải cách hành chính.

- Gắn công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Xem chi tiết tại Quyết định 35/QĐ-BNV có hiệu lực từ ngày 22/01/2024.

16. Nội dung đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2023:

Ngày 29/12/2023, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quyết định 4747/QĐ-BYT về nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2023. Theo đó, nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2023, bao gồm:

* Nội dung 1: Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện trong 12 tháng (chuyên môn, tài chính, nhân lực, tổ chức, danh mục kỹ thuật, danh sách người hành nghề, danh mục trang thiết bị, sử dụng thuốc 12 tháng, báo cáo mô hình bệnh tật ICD-10), kết quả đánh giá chất lượng theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam.

Áp dụng theo biểu mẫu hằng năm và nhập trên phần mềm Quản lý Kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện [www.qlbv.vn/ktbv](http://www qlbv.vn/ktbv) (tất cả các bệnh viện đang hoạt động thực hiện tự báo cáo, đơn vị chưa có tài khoản gửi email đăng ký về qlbv.vn@gmail.com).

* Nội dung 2: Đánh giá chất lượng bệnh viện

- Công cụ đánh giá: Áp dụng theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam (phiên bản 2.0 ban hành kèm theo Quyết định 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016) và các tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng bệnh viện.

- Điều chỉnh thông tin của Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam:

+ Tiêu chí C8.2, Tiêu mục số 19 và 22: thay cụm từ “đạt tiêu chuẩn ISO 15189 (tương đương hoặc cao hơn)” bằng cụm từ “đạt từ mức 4 trở lên theo Quyết định 2429/QĐ-BYT ngày 12/6/2017 ban hành Tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học”;

+ Tiêu chí D2.3, Mức 3: bổ sung thêm yêu cầu: “đạt từ mức 3 trở lên theo Bộ tiêu chí chất lượng đánh giá mức độ an toàn phẫu thuật kèm theo Quyết định 7482/QĐ-BYT ngày 18/12/2018”.

+ Các văn bản được lấy làm căn cứ pháp lý trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện nếu hết hiệu lực được lấy căn cứ bằng các văn bản mới đã ban hành thay thế. Nội dung các tiêu mục tiếp tục được thực hiện theo phiên bản 2.0.

* Nội dung 3: Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế

- Áp dụng theo các mẫu phiếu khảo sát và tài liệu hướng dẫn phương pháp khảo sát hài lòng (ban hành kèm theo Quyết định 3869/QĐ-BYT ngày 28/8/2019).

- Thực hiện khảo sát sự hài lòng của người bệnh nội trú, ngoại trú, bà mẹ (mỗi nhóm 30 người) và toàn bộ nhân viên y tế (khuyết danh), nhập phiếu trên phần mềm trực tuyến <https://chatluongbenhvien.vn>.

* Nội dung 4: Kiểm tra sự sẵn sàng công tác cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh,

* Nội dung 5: Kiểm tra tình hình áp dụng CNTT trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng KCB

* Nội dung 6: Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý (theo hướng dẫn chi tiết của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh).

Các đơn vị nhập kết quả kiểm tra, đánh giá tổng hợp trên phần mềm trực tuyến <https://chatluongbenhvien.vn>. Bệnh viện mới thành lập chưa có tài khoản hoặc quên mật khẩu thực hiện theo hướng dẫn tại mục “Hỏi và đáp” trên phần mềm trực tuyến.

Quyết định 4747/QĐ-BYT có hiệu lực từ ngày 29/12/2023.

17. Sửa đổi trình tự công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa từ 10/03/2024:

Ngày 25/01/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 06/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 08/2021/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. Theo đó, trình tự công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa từ 10/03/2024 như sau:

- Việc công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa thực hiện theo trình tự công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định 08/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi bởi Nghị định 06/2024/NĐ-CP);

- Trường hợp thay đổi chủ cảng, bến thì chủ mới của cảng, bến phải đề nghị công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận cảng, bến thủy nội địa.

Sửa đổi thẩm quyền thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính từ 10/03/2024

Theo đó, thẩm quyền thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính từ 10/03/2024 như sau:

Ủy ban nhân dân cấp huyện thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

(Hiện hành, thẩm quyền thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính như sau:

Sở Giao thông vận tải thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Căn cứ điều kiện cụ thể, Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện trực thuộc (sau đây gọi là cấp huyện) thỏa thuận xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý).

Nghị định 06/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10/03/2024.

18. Ban hành Kế hoạch thông tin, truyền thông y tế năm 2024:

Ngày 17/01/2024, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quyết định 128/QĐ-BYT về Kế hoạch thông tin, truyền thông y tế năm 2024. Kế hoạch thông tin, truyền thông y tế năm 2024 bao gồm những nội dung sau:

- Truyền thông chính sách công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

+ Tăng cường truyền thông chính sách, các quan điểm chỉ đạo, định hướng chính sách của cấp ủy Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Y tế và sự nỗ lực, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong việc từng bước tháo gỡ khó khăn, giải quyết các vấn đề tồn tại của ngành y tế.

+ Tiếp tục tổ chức thực hiện Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách.

+ Truyền thông về các chính sách mới về Luật, Nghị định, Thông tư, Đề án, Chiến lược, các văn bản quy phạm pháp luật đã hoặc mới ban hành và đang có hiệu lực thi hành: Chỉ thị 25-CT/TW ngày 25/10/2023 về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới, Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2023; Luật Đấu thầu (sửa đổi) quy định thuộc lĩnh vực y tế; Luật Thi đua, khen thưởng 2022;... Các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách lĩnh vực y tế ban hành năm 2023 (Chi tiết tại Phụ lục 1).

- Truyền thông các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm công tác y tế năm 2024 căn cứ Báo cáo 11/BC-BYT ngày 04/01/2024 của Bộ Y tế tổng kết công tác y tế năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2024 (Chi tiết tại Phụ lục 2).

- Tăng cường truyền thông về các thành tựu, sự kiện y tế nổi bật, tiêu biểu; các thành tựu kỹ thuật y khoa chuyên sâu, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; các ca bệnh lần đầu tiên được triển khai tại đơn vị, các ca bệnh hiếm gặp, kỳ tích y khoa nhằm phục vụ công tác chăm sóc toàn diện người bệnh và nâng cao sự hài lòng của người bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh; kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại; dữ liệu thông tin y tế; thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số y tế thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia; cải cách hành chính;...

- Tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin về dịch bệnh, bệnh tật, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe; thực hiện truyền thông nguy cơ giúp người dân nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe và chủ động phòng ngừa dịch bệnh để bảo vệ và nâng cao sức khỏe của bản thân, tích cực tham gia bảo hiểm y tế toàn dân, ủng hộ và tham gia hoạt động chăm sóc sức khỏe tại địa phương, đơn vị.

Tiếp tục triển khai hiệu quả trong toàn ngành y tế Quyết định 02/QĐ-BYT ngày 02/01/2020 phê duyệt Kế hoạch tổng thể truyền thông nguy cơ sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030.

- Nâng cao y đức, y nghiệp, phát động, triển khai phong trào thi đua yêu nước, rèn luyện y đức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, nhân viên y tế; phát động Phong trào toàn dân, toàn xã hội tham gia phòng, chống dịch bệnh, nâng cao sức khỏe,...

Truyền thông về phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, nhân rộng các tập thể điển hình tiên tiến, cá nhân tiêu biểu xuất sắc, người tốt việc tốt trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; đặc biệt quan tâm khen thưởng những người lao động trực tiếp tại các cơ sở y tế.

Xem chi tiết tại Quyết định 128/QĐ-BYT có hiệu lực kể từ ngày 17/01/2024.

II. Bãi bỏ toàn bộ 07 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Ngày 10/01/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 02/2024/TT-BTC bãi bỏ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cụ thể, bãi bỏ toàn bộ 07 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính bao gồm:

1. Thông tư 88/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 quy định một nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư;

2. Thông tư 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

3. Thông tư 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

4. Thông tư 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn ngân sách nhà nước; Thông tư 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016;

5. Thông tư 107/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn đầu tư công của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài;

6. Thông tư 12/2017/TT-BTC ngày 10/02/2017 hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn đầu tư thiết bị của dự án triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường;

7. Thông tư 180/2014/TT-BTC ngày 27/11/2014 quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn ứng trước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện dự án di dân, tái định cư điện hạt nhân Ninh Thuận;

Xem chi tiết nội dung tại Thông tư 02/2024/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 25/02/2024.

Trên đây là một số quy định mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Phòng Tư pháp thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị thành phố, UBND các xã, phường quan tâm phối hợp tuyên truyền, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Thành viên HĐPHPBGPL tp;
- Công Thông tin điện tử tp;
- Trung tâm VH-TT-TT tp;
- Phòng Văn hóa và Thông tin tp;
- UBND các xã, phường;
- Các trường THPT trên địa bàn tp;
- Trường THPT Chuyên Lào Cai;
- Trường THPT Dân tộc nội trú Lào Cai;
- Lưu: VT.(Hung)

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Văn Phiên